

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU
ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX**

Báo cáo tài chính riêng

cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	
Báo cáo tình hình tài chính riêng	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	08 - 09
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	10 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Vận Tải Xăng Dầu Đường Thủy Petrolimex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 của Công ty.

Khái quát

Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đường Thủy Petrolimex được chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước – Xí nghiệp sửa chữa và vận tải xăng dầu trực thuộc Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco theo Quyết định số 151/1999/QĐ-TTG ngày 09 tháng 07 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 063350 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 09 năm 1999, và các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi mới nhất là lần thứ 28 đề ngày 29 tháng 07 năm 2025 (Mã số doanh nghiệp là 0301825283).

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 7 toà nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty có Công ty con sau:

Tên Công ty	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ (Triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Một thành viên Đóng tàu và Thương mại Petrolimex	Đóng tàu và thương mại	10.000	100%

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng quản trị:

Ông Ngô Anh Dũng	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Hiền	Thành viên
Ông Nguyễn Tuấn Hưng	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Hải	Thành viên
Ông Đàm Trọng Nghĩa	Thành viên
Ông Đỗ Hữu Nam	Thành viên
Ông Phan Anh Đức	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc:

Bà Nguyễn Thị Hiền	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đàm Trọng Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Toàn	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát:

Ông Trần Minh Vũ	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 08/04/2026
Ông Hoàng Anh Tuấn	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 08/04/2026
Bà Nguyễn Thị Hà Thanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08/04/2026
Ông Trần Văn Trọng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 08/04/2026
Ông Phạm Ngọc Sinh	Thành viên	

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Ngô Anh Dũng – Chủ tịch Hội Đồng Quản trị.

Bà Nguyễn Thị Hiền – Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán NVA đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập các báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ khi không thích hợp để cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê chuẩn báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hiền
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 08 năm 2026

Số: 16.06.1.1/26/BCTC/NVA

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đường Thủy Petrolimex**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đường Thủy Petrolimex ("Công ty") được lập ngày 19 tháng 08 năm 2026, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện. Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đường Thủy Petrolimex tại ngày 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán NVA**Phó Tổng Giám đốc****Nguyễn Thị Cúc**

Số giấy CNĐKHN Kiểm toán: 0700-2023-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 08 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

Đc: Tầng 7 toà nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		160.073.532.859	149.910.637.515
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	79.127.059.878	60.108.700.483
1. Tiền	111		19.034.011.932	40.039.659.387
2. Các khoản tương đương tiền	112		60.093.047.946	20.069.041.096
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21.695.734.288	20.459.513.020
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	19.698.238.190	7.320.170.706
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	1.433.504.047	10.037.950.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.05a	563.992.051	3.101.392.314
IV. Hàng tồn kho	140	V.06	56.429.114.085	53.814.501.317
1. Hàng tồn kho	141		56.429.114.085	53.814.501.317
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		2.821.624.608	15.527.922.695
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.07	1.640.739.678	2.005.562.708
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		1.180.884.930	13.314.577.167
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163		-	207.782.820
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		428.070.991.017	365.861.949.834
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		15.630.000	15.630.000
1. Phải thu dài hạn khác	215	V.05b	15.630.000	15.630.000
II. Tài sản cố định	220		416.883.559.017	354.467.228.020
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	416.883.559.017	354.467.228.020
- Nguyên giá	222		1.016.400.123.823	919.622.442.531
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(599.516.564.806)	(565.155.214.511)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230			
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		844.000.000	1.051.289.814
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.09	844.000.000	1.051.289.814
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260	V.02	10.327.802.000	10.327.802.000
1. Đầu tư vào công ty con	261		10.000.000.000	10.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		327.802.000	327.802.000
VII. Tài sản dài hạn khác	270		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		588.144.523.876	515.772.587.349

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

Đc: Tầng 7 toà nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		233.661.542.759	188.946.081.406
I. Nợ ngắn hạn	310		105.027.542.759	105.618.081.406
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	43.464.192.566	63.198.486.149
2. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	V.11	1.225.033.153	1.237.375.743
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	6.498.919.696	644.946.127
4. Phải trả người lao động	315		25.184.751.204	23.056.818.109
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.13	173.784.759	464.235.808
6. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.14	2.238.786.676	1.777.429.864
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.15a	23.388.000.000	13.888.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.854.074.705	1.350.789.606
II. Nợ dài hạn	330		128.634.000.000	83.328.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.15b	128.634.000.000	83.328.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.16	354.482.981.117	326.826.505.943
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		248.827.850.000	248.827.850.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		248.827.850.000	248.827.850.000
2. Thặng dư vốn	412		225.423.555	225.423.555
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		59.954.342.672	56.454.342.672
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		45.475.364.890	21.318.889.716
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		15.554.828.906	685.355.628
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		29.920.535.984	20.633.534.088
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		588.144.523.876	515.772.587.349

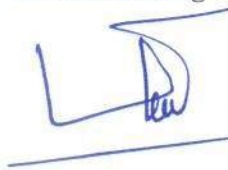
Ghi chú: Số dư đầu kỳ của các chỉ tiêu mã số 112, 135, 313 và 320 trên Báo cáo tình hình tài chính đã được phân loại lại - Xem trình bày tại mục VII.5. của Thuyết minh báo cáo tài chính này.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 08 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Cao Nguyễn Phương Vy

Nguyễn Huy Hào

Nguyễn Thị Hiền

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	439.891.878.035	332.920.638.649
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		439.891.878.035	332.920.638.649
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	374.607.076.059	292.645.828.023
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		65.284.801.976	40.274.810.626
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.03	2.085.251.512	3.154.860.279
7. Chi phí tài chính	23	VI.04	5.210.530.269	1.567.396.073
Trong đó : Chi phí đi vay	24		5.201.100.257	1.553.272.695
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	20.498.293.745	18.060.784.456
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		41.661.229.474	23.801.490.376
11. Thu nhập khác	31	VI.05	1.460.616.110	824.646.090
12. Chi phí khác	32	VI.06	4.150.297.660	8.958.593.674
13. Lợi nhuận khác	40		(2.689.681.550)	(8.133.947.584)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		38.971.547.924	15.667.542.792
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.09	7.586.527.621	2.890.120.034
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		31.385.020.303	12.777.422.758

Công ty phải lập báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất nên thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

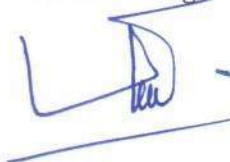
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 08 năm 2026

Người lập biểu



Cao Nguyễn Phương Vy

Kế toán trưởng



Nguyễn Huy Hào



Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hiền

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

Đc: Tầng 7 toà nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG*(theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		38.971.547.924	15.667.542.792
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		34.361.350.295	23.501.608.212
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(135.909)	(8.706.990)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(2.068.794.541)	(3.092.765.491)
- Chi phí đi vay	06		5.201.100.257	1.553.272.695
3. Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		76.465.068.026	37.620.951.218
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.105.253.789	8.054.822.762
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.614.612.768)	(7.451.209.761)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(16.951.782.816)	20.233.886.130
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		364.823.030	1.639.727.632
- Chi phí đi vay đã trả	14		(5.182.226.181)	(1.604.095.884)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.235.100.037)	(802.618.898)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.225.260.030)	(2.031.140.566)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		48.726.163.013	55.660.322.633
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(86.570.391.478)	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.068.794.541	1.608.412.370
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(84.501.596.937)	1.608.412.370

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		66.500.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(11.694.000.000)	(15.140.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(12.342.590)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		54.793.657.410	(15.140.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		19.018.223.486	42.128.735.003
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		60.108.700.483	82.895.799.401
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		135.909	8.706.990
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		79.127.059.878	125.033.241.394

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 08 năm 2026

Người lập biểu



Cao Nguyễn Phương Vy

Kế toán trưởng



Nguyễn Huy Hào

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hiền

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đường Thủy Petrolimex được chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước – Xí nghiệp sửa chữa và vận tải xăng dầu trực thuộc Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco theo Quyết định số 151/1999/QĐ-TTg ngày 09 tháng 07 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 063350 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 09 năm 1999, và các giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi mới nhất là lần thứ 28 đề ngày 29 tháng 07 năm 2025 (Mã số doanh nghiệp là 0301825283).

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 7 toà nhà số 322 Điện Biên Phủ, P. Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh vận tải xăng dầu đường thủy;
- Dịch vụ sửa chữa, nâng cấp phương tiện vận tải thủy, súc rửa tàu; kinh doanh vật tư, thiết bị phục vụ cho ngành; kinh doanh sửa chữa giàn khoan và các thiết bị dầu khí;
- Đại lý tàu biển, cung ứng tàu biển, lai dắt tàu biển; đóng mới, sửa chữa phương tiện vận tải thủy, tàu đánh cá; dịch vụ kho bãi, cầu cảng, bến neo đậu tàu; và
- Ứng cứu tàu tràn.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp:

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30/06/2026 là: 283 người (vào ngày 01/01/2026 là 278 người).

Trong kỳ và tại ngày lập báo cáo tài chính này, Tổng Công ty Vận Tải Thủy Petrolimex và Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam lần lượt là Công ty mẹ và công ty mẹ tối cao của Công ty.

Trong kỳ và tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty có Công ty con sau:

Tên Công ty	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ (Triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Một thành viên Đóng tàu và Thương mại Petrolimex	Đóng tàu và thương mại	10.000	100%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính:

Thông tư số 99/2025/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 trong đó quy định: Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tài sản cố định được ghi nhận vào tài khoản chi phí chờ phân bổ để phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh mà không được trích lập dự phòng sửa chữa lớn như năm 2025 trở về trước. Do ảnh hưởng của sự thay đổi này nên chi tiêu giá vốn trong kỳ giảm đi gần 11 tỷ đồng và lãi gộp tăng lên tương ứng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính:

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và trình bày báo cáo tài chính là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

Địa chỉ: Tầng 7 toà nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 27/10/2025.

Trước ngày 01 tháng 01 năm 2026, Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do chính phủ đã ban hành. Các báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Khi mua, bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;

- Trường hợp doanh nghiệp có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ nhưng trong hợp đồng không quy định tỷ giá hối đoái cụ thể, doanh nghiệp sử dụng tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch để ghi sổ kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ cho từng trường hợp như sau:

+ Các tài khoản phản ánh doanh thu, thu nhập khác: Đối với trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ hoặc thu nhập có liên quan đến doanh thu nhận trước hoặc giao dịch nhận trước tiền của người mua thì doanh thu, thu nhập tương ứng với số tiền nhận trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận trước của người mua (không áp dụng theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm ghi nhận doanh thu, thu nhập).

+ Các tài khoản phản ánh chi phí sản xuất, kinh doanh, chi phí khác. Riêng trường hợp phân bổ khoản chi phí chờ phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ thì chi phí được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước (không áp dụng theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phân bổ chi phí).

+ Các tài khoản phản ánh tài sản: Đối với trường hợp tài sản được mua có liên quan đến giao dịch trả trước cho người bán thì giá trị tài sản tương ứng với số tiền trả trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước cho người bán (không áp dụng theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm ghi nhận tài sản).

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được xác định theo nguyên tắc sau:

+ Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ, doanh nghiệp phải đánh giá lại số dư tất cả các tài khoản tiền gửi bằng ngoại tệ theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản tiền gửi.

+ Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ thì đánh giá lại theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

Địa chỉ: Tầng 7 toà nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ đều phải được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ phải trình bày vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo số thuần giữa tổng số lãi và tổng số lỗ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất khoản đầu tư.

b) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư vào công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

c) Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng tổn thất khoản đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng tổn thất khoản đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ trước đó đã được lập dự phòng. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi không làm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Chênh lệch tăng hoặc giảm dự phòng các khoản đầu tư được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính riêng theo giá trị sổ sách các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến tổn thất có thể xảy ra hoặc không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

Địa chỉ: Tầng 7 toà nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho cuối kỳ trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản.

Thời gian hữu dụng được ước tính như sau: **Thời gian khấu hao (năm)**

Loại tài sản	Kỳ này	Kỳ trước
- Phương tiện vận tải	06 - 12 năm	06 - 12 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm	03 - 05 năm

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các quy định khác.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí chờ phân bổ

Các chi phí chờ phân bổ chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm hiện hành được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Việc tính và phân bổ chi phí chờ phân bổ dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí chờ phân bổ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

Địa chỉ: Tầng 7 toà nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản nợ vay

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, kế toán trình bày là vay dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán lập Báo cáo tài chính riêng trình bày là vay ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

10. Nguyên tắc ghi nhận phải trả cổ tức, lợi nhuận

Phải trả cổ tức, lợi nhuận được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan số cổ tức, lợi nhuận phải trả (bằng tiền, hoặc các tài sản phi tiền tệ) và tình hình thanh toán khoản cổ tức, lợi nhuận phải trả bằng tiền cho các cổ đông, thành viên góp vốn của Công ty.

Thời điểm Công ty ghi nhận khoản phải trả về cổ tức, lợi nhuận là thời điểm doanh nghiệp không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, thành viên góp vốn của Công ty theo quy định của pháp luật liên quan.

Thời điểm ghi nhận cổ tức phải trả thực hiện như sau:

- Đối với doanh nghiệp thuộc đối tượng điều chỉnh của pháp luật về chứng khoán (Công ty niêm yết và đại chúng) thì thời điểm bên nhận đầu tư không có quyền từ chối chi trả cổ tức được căn cứ theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
- Đối với các doanh nghiệp còn lại thì thời điểm bên nhận đầu tư không có quyền từ chối chi trả cổ tức được căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ của doanh nghiệp.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội Đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm, nghị quyết Hội đồng quản trị, Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Báo cáo tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày chốt quyền theo thông báo chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam - VSDC.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

Địa chỉ: Tầng 7 toà nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Các quỹ khác

Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu như sau:

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:
 - + Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng, kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

Địa chỉ: Tầng 7 toà nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Báo cáo tình hình tài chính riêng và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho sẽ được hạch toán ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động bao gồm Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

17. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

Địa chỉ: Tầng 7 toà nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

18. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Báo cáo tình hình tài chính riêng khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

Đc: Tầng 7 toà nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG**

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Tiền mặt	444.909.731	411.726.624
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.589.102.201	39.627.932.763
+ Vietcombank- CN Gia Định	15.173.750.902	36.612.048.589
+ Vietinbank - CN Bắc Sài Gòn	2.409.073.569	1.174.413.209
+ Các ngân hàng khác	1.006.277.730	1.841.470.965
Các khoản tương đương tiền (*)	60.093.047.946	20.069.041.096
+ Vietcombank- CN Gia Định	45.089.143.836	-
+ Vietinbank - CN Bắc Sài Gòn	15.003.904.110	20.069.041.096
Cộng	79.127.059.878	60.108.700.483

(*): Khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại các ngân hàng và tiền lãi dự thu.

2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**a. Đầu tư vào công ty con**

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)
- Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Thương mại Petrolimex	100%	10.000.000.000	100%	10.000.000.000
Cộng		10.000.000.000		10.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con		-		-
Giá trị thuần		10.000.000.000		10.000.000.000

Ghi chú: Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty trong công ty con tương ứng với tỷ lệ sở hữu tại công ty con này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

Đc: Tầng 7 toà nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)	Số lượng (CP)	Giá trị (VND)
- Đầu tư cổ phiếu Công ty CP Vận tải XD Đồng Tháp	33.004	327.802.000	33.004	327.802.000
Cộng	33.004	327.802.000	33.004	327.802.000
Dự phòng giảm giá đầu tư vào đơn vị khác		-		-
Giá trị thuần		327.802.000		327.802.000

3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Các bên liên quan		
<i>Công ty mẹ tối cao</i>		
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	17.865.252.075	3.879.345.681
<i>Các Công ty trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</i>		
Chi nhánh Petrolimex Vũng Tàu - P.SG	-	108.778.336
Công ty TNHH MTV Petrolimex Đồng Tháp	461.135.086	288.661.769
Công ty CP Nhiên liệu bay Petrolimex	-	336.802.240
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	1.371.851.029	469.995.076
Các bên khác		
Công ty TNHH MTV Dầu Khí Tp.HCM	-	2.236.587.604
Cộng	19.698.238.190	7.320.170.706

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

Đc: Tầng 7 toà nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Vietcombank - CN Nghe An	-	10.000.000.000
SEGERO MARINE Co., Ltd	1.263.504.047	-
Các đối tượng khác	170.000.000	37.950.000
Cộng	1.433.504.047	10.037.950.000

5. Phải thu khác**a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Các bên liên quan		
<i>Công ty con</i>		
Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Thương mại Petrolimex	19.232.686	18.615.676
Các bên khác		
Phải thu bảo hiểm bồi thường	-	2.939.219.194
Tạm ứng	117.880.000	108.627.500
Phải thu cán bộ công nhân viên (tiền du lịch hàng năm)	374.155.365	-
Phải thu khác	52.724.000	34.929.944
Cộng	563.992.051	3.101.392.314

b. Phải thu dài hạn khác

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	15.630.000	15.630.000
Cộng	15.630.000	15.630.000

6. Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	430.716.830	-
Nhiên liệu, vật liệu	56.429.114.085	-	53.066.968.488	-
Chi phí SX kinh doanh dở dang	-	-	316.815.999	-
Cộng	56.429.114.085	-	53.814.501.317	-

7. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Chi phí bảo hiểm	1.640.739.678	2.005.562.708
Cộng	1.640.739.678	2.005.562.708

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX
Đc: Tầng 7 toà nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026
Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình			
Số dư đầu kỳ	919.091.729.230	530.713.301	919.622.442.531
Số tăng trong kỳ	96.777.681.292	-	96.777.681.292
- Mua trong kỳ	96.777.681.292	-	96.777.681.292
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.015.869.410.522	530.713.301	1.016.400.123.823
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	564.675.319.088	479.895.423	565.155.214.511
Số tăng trong kỳ (Khấu hao)	34.346.830.901	14.519.394	34.361.350.295
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	599.022.149.989	494.414.817	599.516.564.806
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình			
Tại ngày đầu kỳ	354.416.410.142	50.817.878	354.467.228.020
Tại ngày cuối kỳ	416.847.260.533	36.298.484	416.883.559.017

	Cuối kỳ	Đầu năm
	VND	VND
GTCL cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:	226.329.283.883	140.411.344.674
Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	242.990.505.442	242.990.505.442

9. Tài sản dở dang dài hạn

Xây dựng cơ bản dở dang	Cuối kỳ	Đầu năm
	VND	VND
Dự án phần mềm ERP	844.000.000	844.000.000
Dự án tàu Long Phú 21	-	207.289.814
Cộng	844.000.000	1.051.289.814

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

Đc: Tầng 7 toà nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
	VND	VND
Công ty liên quan		
<i>Công ty con</i>	<i>1.944.256.028</i>	<i>6.830.839.473</i>
Công ty TNHH MTV Đông tàu và Thương mại Petrolimex	1.944.256.028	6.830.839.473
<i>Các công ty trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</i>	<i>16.347.594.486</i>	<i>14.611.319.951</i>
Công ty TNHH MTV Petrolimex Sài Gòn	2.737.793.061	5.469.950.679
Công ty TNHH MTV VITACO Đà Nẵng	4.585.930.190	4.055.530.705
Công ty TNHH MTV Petrolimex Nghệ An	4.078.128.320	1.734.041.358
Công ty TNHH MTV Petrolimex Đồng Nai	-	1.685.795.706
Chi nhánh hóa dầu Sài Gòn	90.902.412	925.956.593
Công ty bảo hiểm PJICO Gia Định	1.568.292.000	156.353.699
Tổng kho xăng dầu Nhà Bè	19.558.373	23.136.771
CN Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng tại Nha Trang	1.645.646.174	555.661.502
CN Petrolimex Vũng Tàu - P.SG	15.039.791	4.892.938
Công ty TNHH MTV Vipco Hạ Long	1.300.975.965	-
Công ty PETROLIMEX Đà Nẵng	162.286.190	-
Cảng dầu B12	75.752.010	-
Công ty PETROLIMEX Cần Thơ	67.290.000	-
<i>Các bên khác</i>	<i>25.172.342.052</i>	<i>41.756.326.725</i>
Công ty TNHH Công nghệ Hàng hải Khánh Cường	3.422.531.880	6.330.977.489
Công ty Cổ phần TMDV Vận tải Long Phú 68	910.735.488	3.312.516.092
Các nhà cung cấp khác	20.839.074.684	32.112.833.144

Cộng**43.464.192.566****63.198.486.149****11. Phải trả cổ tức, lợi nhuận**

	Cuối kỳ	Đầu năm
	VND	VND
Cổ tức phải trả	1.225.033.153	1.237.375.743
Cộng	1.225.033.153	1.237.375.743

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

Đc: Tầng 7 toà nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu năm		Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT bổ sung (*)		-	7.910.500	7.910.500		-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		-	243.899.959	243.899.959		-
Thuế xuất nhập khẩu		-	84.355.829	84.355.829		-
Thuế thu nhập doanh nghiệp		457.366.480	7.558.567.821	2.207.140.237		5.808.794.064
Thuế TNDN bổ sung (*)			27.959.800	27.959.800		-
Thuế thu nhập cá nhân		187.579.647	414.702.203	489.330.718		112.951.132
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	207.782.820		1.159.647.048	374.689.728		577.174.500
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		-	500.000.000	500.000.000		-
Cộng	207.782.820	644.946.127	9.997.043.160	3.935.286.771	-	6.498.919.696

(*) Thuế GTGT và thuế TNDN bổ sung là tiền thuế phải nộp cho năm 2022 và 2023 Theo các tờ khai điều chỉnh trong kỳ.

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Chi phí lãi vay phải trả	157.373.583	138.499.507
Chi phí trích trước giá vốn	-	286.760.668
Chi phí phải trả khác	16.411.176	38.975.633
Cộng	173.784.759	464.235.808

14. Phải trả ngắn hạn khác

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Kinh phí công đoàn	632.707.457	1.004.543.913
Bảo hiểm xã hội, BHYT và BHTN	2.337.891	1.931.731
Phải trả CB CNV (thuế thu nhập và đảng phí)	494.241.492	268.824.842
Phải trả các thuyền viên (tiền bồi thường sự cố)	846.997.901	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	262.501.935	502.129.378
Cộng	2.238.786.676	1.777.429.864

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

Đc: Tầng 7 toà nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

15. Vay và nợ thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

	Cuối kỳ		Phát sinh trong kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	23.388.000.000	23.388.000.000	21.194.000.000	11.694.000.000	13.888.000.000	13.888.000.000
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>23.388.000.000</i>	<i>23.388.000.000</i>	<i>21.194.000.000</i>	<i>11.694.000.000</i>	<i>13.888.000.000</i>	<i>13.888.000.000</i>
Vay Vietinbank - CN Bắc SG (i)	13.888.000.000	13.888.000.000	6.944.000.000	6.944.000.000	13.888.000.000	13.888.000.000
Vay Vietcombank - CN Gia Định (ii)	9.500.000.000	9.500.000.000	14.250.000.000	4.750.000.000	-	-
b) Vay dài hạn	128.634.000.000	128.634.000.000	66.500.000.000	21.194.000.000	83.328.000.000	83.328.000.000
Vay Vietinbank - CN Bắc SG (i)	76.384.000.000	76.384.000.000	-	6.944.000.000	83.328.000.000	83.328.000.000
Vay Vietcombank - CN Gia Định (ii)	52.250.000.000	52.250.000.000	66.500.000.000	14.250.000.000	-	-
Cộng	152.022.000.000	152.022.000.000	87.694.000.000	32.888.000.000	97.216.000.000	97.216.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

Đc: Tầng 7 toà nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Chi tiết số dư các khoản vay:

- (i) Khoản vay dài hạn ngân hàng Vietinbank - CN Bắc Sài Gòn theo Hợp đồng vay số 054/2025-HĐCVDADT/NHCT948-PJTACO ngày 24/12/2025 để đầu tư cho dự án mua tàu Long Phú 06. Thời hạn vay là 7 năm. Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay. Số nợ gốc vay tại ngày 30/06/2026 là 90.272.000.000 (trong đó 13.888.000.000 đồng là vay dài hạn đến hạn trả).
- (ii) (**) Khoản vay dài hạn ngân hàng Vietcombank - CN Gia Định theo Hợp đồng vay số 0330/GDI.KH/BB.25/TD ngày 31/12/2025 nhằm đầu tư cho dự án mua tàu Long Phú 21. Thời hạn vay là 7 năm. Lãi suất thả nổi. Tài sản đảm bảo khoản vay là tài sản hình thành từ vốn vay. Số nợ gốc vay tại ngày 30/06/2026 là 61.750.000.000 đồng (trong đó 9.500.000.000 đồng là vay dài hạn đến hạn trả).

Các khoản vay dài hạn được trả theo lịch sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	23.388.000.000	13.888.000.000
Trong năm thứ hai	23.388.000.000	13.888.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	70.164.000.000	41.664.000.000
Sau năm năm	35.082.000.000	27.776.000.000
Cộng	152.022.000.000	97.216.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở thuyết minh Vay dài hạn đến hạn trả)	23.388.000.000	13.888.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	128.634.000.000	83.328.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

Đc: Tầng 7 toà nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**16. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	248.827.850.000	225.423.555	46.954.342.672	27.999.931.175	324.007.547.402
Lợi nhuận tăng trong năm trước				22.095.479.489	22.095.479.489
Phân phối lợi nhuận trong năm trước	-		9.500.000.000	(28.776.520.948)	(19.276.520.948)
- Quỹ đầu tư phát triển			9.500.000.000	(9.500.000.000)	-
- Quỹ khen thưởng phúc lợi				(4.046.849.948)	(4.046.849.948)
- Quỹ thưởng người Quản lý				(300.000.000)	(300.000.000)
- Cổ tức bằng tiền	-			(14.929.671.000)	(14.929.671.000)
Số dư cuối năm trước	248.827.850.000	225.423.555	56.454.342.672	21.318.889.716	326.826.505.943
Số dư đầu năm nay	248.827.850.000	225.423.555	56.454.342.672	21.318.889.716	326.826.505.943
Lợi nhuận tăng trong kỳ này				31.385.020.303	31.385.020.303
Phân phối lợi nhuận trong kỳ (*)			3.500.000.000	(7.228.545.129)	(3.728.545.129)
- Quỹ đầu tư phát triển			3.500.000.000	(3.500.000.000)	-
- Quỹ khen thưởng phúc lợi				(3.478.545.129)	(3.478.545.129)
- Quỹ thưởng người Quản lý				(250.000.000)	(250.000.000)
- Cổ tức bằng tiền (**)				-	-
Số dư cuối kỳ này	248.827.850.000	225.423.555	59.954.342.672	45.475.364.890	354.482.981.117

(*): Phân phối lợi nhuận trong kỳ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông đề ngày 08/04/2026 và Quyết định số 21/PJT-QĐ-HĐQT đề ngày 24/04/2026 của Hội đồng Quản trị công ty.

(**): Cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 6% sẽ được ghi nhận tại ngày chốt quyền là ngày 14/07/2026 theo Quyết định số 27/PJT-QĐ-HĐQT đề ngày 29/6/2026 của Hội đồng Quản trị Công ty (Ngày thanh toán là ngày 27/07/2026).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX
Đc: Tầng 7 toà nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thanh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026
Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Đơn vị tính: VND			
	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ	VND
Tổng Công ty Vận Tải Thủy Petrolimex	51,22%	127.461.890.000	51,22%	127.461.890.000
Vốn góp của các đối tượng khác	48,78%	121.365.960.000	48,78%	121.365.960.000
Cộng	100%	248.827.850.000	100%	248.827.850.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	248.827.850.000	248.827.850.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	248.827.850.000	248.827.850.000
Thặng dư vốn đầu kỳ	225.423.555	225.423.555
Thặng dư vốn tăng trong kỳ	-	-
Thặng dư vốn giảm trong kỳ	-	-
Thặng dư vốn cuối kỳ	225.423.555	225.423.555
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	14.929.671.000
Cổ tức, lợi nhuận đã công bố (*)	14.929.671.000	-

(*): Theo Quyết định số 27/PJT-QĐ-HĐQT đề ngày 29/6/2026 của Hội Đồng Quản trị công ty, Cổ tức bằng tiền với tỷ lệ là 6% vốn cổ phần sẽ được chi trả cho cổ đông vào ngày 27/07/2026 (ngày chốt quyền là ngày 14/07/2026).

d) Cổ phiếu	Cuối kỳ	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	24.882.785	24.882.785
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	24.882.785	24.882.785
- Cổ phiếu phổ thông	24.882.785	24.882.785
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.882.785	24.882.785
- Cổ phiếu phổ thông	24.882.785	24.882.785

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

Đc: Tầng 7 toà nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
		Cuối kỳ	Đầu năm
		VND	VND
e) Các quỹ của doanh nghiệp			
Quỹ đầu tư phát triển		59.954.342.672	56.454.342.672
Cộng		59.954.342.672	56.454.342.672
17. Các khoản mục ngoài bảng Cân đối kế toán		Cuối kỳ	Đầu năm
Ngoại tệ các loại: - USD		538,27	545,68
VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG			
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
a) Doanh thu		Kỳ này	Kỳ trước
		VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ		439.891.878.035	332.920.638.649
Cộng		439.891.878.035	332.920.638.649
b) Doanh thu đối với các bên liên quan		Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ		VND	VND
<i>Công ty mẹ tối cao</i>			
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		395.032.424.353	255.440.215.713
<i>Các Công ty trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</i>			
Công ty TNHH MTV Petrolimex Sài Gòn		-	1.064.590.617
CN Petrolimex Vung Tau - P.SG		416.431.394	-
Công ty TNHH MTV Petrolimex Đồng Tháp		3.074.657.365	2.308.658.668
Công ty CP Nhiên liệu bay Petrolimex		3.469.110.423	6.341.740.186
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore		1.853.914.884	-
Cộng		403.846.538.419	265.155.205.184
2. Giá vốn hàng bán		Kỳ này	Kỳ trước
		VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		374.607.076.059	292.645.828.023
Cộng		374.607.076.059	292.645.828.023
3. Doanh thu hoạt động tài chính		Kỳ này	Kỳ trước
		VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay		604.310.222	1.591.215.290
Cổ tức, lợi nhuận được chia		1.464.484.319	1.501.550.201
Lãi chênh lệch tỷ giá		16.456.971	62.094.788
Cộng		2.085.251.512	3.154.860.279

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

Đc: Tầng 7 toà nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	5.201.100.257	1.553.272.695
Lỗ chênh lệch tỷ giá	9.430.012	14.123.378
Cộng	5.210.530.269	1.567.396.073
5. Thu nhập khác	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Thu bồi thường	1.460.616.110	684.609.012
Thu nhập khác	-	140.037.078
Cộng	1.460.616.110	824.646.090
6. Chi phí khác	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Các khoản chậm nộp và phạt vi phạm	23.799.999	4.500.000
Chi phí bảo hiểm bồi thường	-	33.636.448
Chi phí liên quan khắc phục sự cố các tàu	4.126.497.661	8.597.920.248
Chi phí khác	-	322.536.978
Cộng	4.150.297.660	8.958.593.674
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí vật liệu quản lý	221.616.569	246.957.759
Chi phí nhân viên quản lý	12.193.971.127	10.356.458.673
Chi phí khấu hao	326.980.002	326.980.002
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.296.615.258	2.963.378.040
Chi phí khác	4.459.110.789	4.167.009.982
Cộng	20.498.293.745	18.060.784.456

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

Đc: Tầng 7 toà nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	218.118.653.383	146.221.489.486
Chi phí nhân công	57.390.035.868	44.901.847.576
Chi phí khấu hao TSCĐ	34.361.350.295	23.501.608.212
Chi phí dịch vụ mua ngoài	79.809.191.939	90.906.733.018
Chi phí khác bằng tiền	5.109.322.320	5.174.934.187
Cộng	394.788.553.805	310.706.612.479

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	38.971.547.924	15.667.542.792
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.178.708.821)	(1.216.942.620)
- Các khoản điều chỉnh tăng:	285.775.498	284.607.581
+ Chi phí không được khấu trừ	285.775.498	284.607.581
- Các khoản điều chỉnh giảm:	(1.464.484.319)	(1.501.550.201)
+ Cổ tức, lợi nhuận được chia	(1.464.484.319)	(1.501.550.201)
Tổng lợi nhuận tính thuế	37.792.839.103	14.450.600.172
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN	7.558.567.821	2.890.120.034
Thuế TNDN phải nộp bổ sung cho các năm trước (*)	27.959.800	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.586.527.621	2.890.120.034

(*) Thuế TNDN phải nộp bổ sung trong kỳ này là tiền thuế TNDN bổ sung cho năm 2022 và 2023 theo các Tờ khai Quyết toán thuế TNDN điều chỉnh.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

Đc: Tầng 7 toà nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026 của Công ty.

2. Thông tin về các bên liên quan

Đơn vị tính: VND

Trong kỳ, ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần trên, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ quan trọng với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (không gồm VAT)
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Công ty mẹ tối cao	Hao hụt hàng hóa	231.808.384
Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Thương mại Petrolimex	Công ty con	Chi phí sửa chữa tàu	4.653.857.361
		Chuyển lợi nhuận về Công ty	1.464.484.319
		Chuyển một phần quỹ KTPL cho Công ty con	400.000.000
CN Petrolimex Vung Tau - P.SG (Xăng dầu Vũng Tàu)	Bên liên quan	Mua nhiên liệu	14.305.873.663
		Chi phí dịch vụ	43.153.056
Cty TNHH MTV Petrolimex Sài Gòn (Xăng dầu KV II)	Bên liên quan	Mua nhiên liệu	77.453.439.191
Cty TNHH MTV VITACO Đà Nẵng tại Nha Trang	Bên liên quan	Mua dịch vụ	569.999.978
Cty TNHH MTV Petrolimex Nghệ An (Xăng dầu Nghệ An)	Bên liên quan	Mua nhiên liệu	60.195.436.800
Công ty TNHH MTV Petrolimex Đồng Nai	Bên liên quan	Mua nhiên liệu	9.011.391.130
Chi nhánh hóa dầu Sài Gòn	Bên liên quan	Mua nhiên liệu	2.192.027.696

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

Đc: Tầng 7 toà nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (không gồm VAT)
Công ty bảo hiểm PJICO Gia Định	Bên liên quan	Mua dịch vụ bảo hiểm	10.614.816.234
Công ty bảo hiểm PJICO Bình Định	Bên liên quan	Mua dịch vụ bảo hiểm	18.000.000
Công ty Cổ phần Gas Petrolimex	Bên liên quan	Chi phí thuê văn phòng và tiền điện	1.247.152.339
Tổng kho xăng dầu Nhà Bè	Bên liên quan	Mua dịch vụ	178.772.564
CN Cty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng	Bên liên quan	Mua dịch vụ	5.123.969.993
Công ty TNHH MTV Vipco Hạ Long	Bên liên quan	Mua dịch vụ	280.555.578
Cảng dầu B12	Bên liên quan	Mua nhiên liệu	18.653.225.887
Công ty TNHH MTV Petrolimex Đà Nẵng	Bên liên quan	Mua nhiên liệu	1.403.811.385
Công ty TNHH MTV Petrolimex Gia Lai	Bên liên quan	Mua nhiên liệu	231.499.120
Công ty TNHH MTV Petrolimex Khánh Hòa	Bên liên quan	Mua nhiên liệu	159.797.500
Công ty TNHH MTV Petrolimex Cần Thơ	Bên liên quan	Mua nhiên liệu Mua dịch vụ	5.695.147.772 52.594.122
Công ty CP VT&DV Petrolimex Hai Phong	Bên liên quan	Mua dịch vụ	8.280.000
Công ty TNHH MTV Petrolimex Tây Ninh	Bên liên quan	Mua nhiên liệu	16.640.472.680
Công ty TNHH MTV Petrolimex Đồng Tháp	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	814.815
Công ty CP nhiên liệu bay Petrolimex	Bên liên quan	Hao hụt hàng hóa	17.968.619

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

Đc: Tầng 7 toà nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt trong kỳ như sau:**

Hội đồng quản trị		Kỳ này	Kỳ trước
<i>Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác</i>		VND	VND
Ông Ngô Anh Dũng	Chủ tịch (*)	902.654.689	676.766.024
Bà Nguyễn Thị Hiền	Thành viên	55.296.000	21.196.800
Ông Nguyễn Duy Hải	Thành viên	55.296.000	55.296.000
Ông Đàm Trọng Nghĩa	Thành viên	55.296.000	55.296.000
Ông Nguyễn Tuấn Hưng	Thành viên	68.259.000	72.850.000
Ông Đỗ Hữu Nam	Thành viên	68.259.000	68.058.000
Ông Phan Anh Đức	Thành viên (*)	344.950.068	302.630.852
Cộng		1.550.010.757	1.252.093.676

(*): Thu nhập của các ông Ngô Anh Dũng, ông Phan Anh Đức là gồm tiền thù lao, tiền lương, thưởng và các khoản phúc lợi. Thu nhập của các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chỉ là tiền thù lao.

Ban kiểm soát		Kỳ này	Kỳ trước
<i>Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác</i>		VND	VND
Ông Trần Minh Vũ (*)		116.850.000	-
Ông Hoàng Anh Tuấn		43.068.600	72.850.000
Bà Nguyễn Thị Hà Thanh		17.848.320	-
Ông Trần Văn Trọng (*)		242.235.362	280.060.272
Ông Phạm Ngọc Sinh		47.781.700	50.995.200
Cộng		467.783.982	403.905.472

(*): Thu nhập của Ông Trần Minh Vũ và Ông Trần Văn Trọng gồm tiền thù lao, tiền lương, thưởng và các khoản phúc lợi. Thu nhập của các thành viên còn lại của Ban kiểm soát chỉ là tiền thù lao.

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng		Kỳ này	Kỳ trước
<i>Lương, thưởng và phúc lợi khác</i>		VND	VND
Bà Nguyễn Thị Hiền	Tổng Giám đốc	745.047.699	522.379.694
Ông Nguyễn Duy Hải	Phó Tổng Giám đốc	617.481.656	472.828.789
Ông Đàm Trọng Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	617.481.656	472.828.789
Ông Phạm Văn Toàn	Phó Tổng Giám đốc	617.481.656	472.828.789
Ông Nguyễn Huy Hào	Kế toán trưởng	494.762.644	310.394.324
Cộng		3.092.255.311	2.251.260.385

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

Đc: Tầng 7 toà nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**3. Thông tin về bộ phận*****Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý***

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý lãnh thổ Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là dịch vụ vận tải xăng dầu đường thủy, do đó công ty không lập báo cáo tài chính bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

4. Công cụ tài chính*Đơn vị tính: VND***a) Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

Tài sản tài chính	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	79.127.059.878	-	60.108.700.483	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	20.193.876.241	-	10.421.563.020	-
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn/dài hạn	68.354.000	-	15.630.000	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn/dài hạn	10.327.802.000	-	10.327.802.000	-
Cộng	109.717.092.119	-	80.873.695.503	-
Nợ phải trả tài chính				
	Cuối kỳ		Đầu năm	
Phải trả người bán và phải trả khác	45.702.979.242		64.975.916.013	
Chi phí phải trả	173.784.759		464.235.808	
Các khoản nợ vay	152.022.000.000		97.216.000.000	
Cộng	197.898.764.001		162.656.151.821	

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

Đc: Tầng 7 toà nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**b) Tài sản đảm bảo**

Giá trị còn lại của tài sản đảm bảo thế chấp cho đơn vị khác vào ngày đầu kỳ và ngày cuối kỳ như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
	VND	VND
TSCĐ hữu hình - Phương tiện vận tải	226.329.283.883	140.411.344.674
Cộng	226.329.283.883	140.411.344.674

c) Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan: Các loại rủi ro tài chính mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính là:

- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản
- Rủi ro thị trường

c.1) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Phải thu khách hàng và phải thu khác

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn.

Các khoản nợ xấu (nếu có) đã được kiểm soát và lập dự phòng đầy đủ.

c.2) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

Đc: Tầng 7 toà nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	Từ 01 năm trở xuống	Từ trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ	69.264.764.001	93.552.000.000	35.082.000.000	197.898.764.001
Các khoản vay	23.388.000.000	93.552.000.000	35.082.000.000	152.022.000.000
Phải trả người bán	43.464.192.566	-	-	43.464.192.566
Phải trả khác	2.238.786.676	-	-	2.238.786.676
Chi phí phải trả	173.784.759	-	-	173.784.759
Số đầu kỳ	79.328.151.821	55.552.000.000	27.776.000.000	162.656.151.821
Các khoản vay	13.888.000.000	55.552.000.000	27.776.000.000	97.216.000.000
Phải trả người bán	63.198.486.149	-	-	63.198.486.149
Phải trả khác	1.777.429.864	-	-	1.777.429.864
Chi phí phải trả	464.235.808	-	-	464.235.808

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

c.3) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX

Đc: Tầng 7 toà nhà số 322 Điện Biên Phủ, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**5. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025 đã được Công ty TNHH Kiểm toán NVA kiểm toán và soát xét.

Số liệu này được phân loại lại theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 27/10/2025 về hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp áp dụng từ ngày 01/01/2026 như sau:

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2026

Chỉ tiêu	Mã số	Số trước điều chỉnh	Số sau điều chỉnh	Tăng / (giảm)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	149.910.637.515	149.910.637.515	-
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	60.039.659.387	60.108.700.483	69.041.096
2. Các khoản tương đương tiền	112	20.000.000.000	20.069.041.096	69.041.096
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	20.528.554.116	20.459.513.020	(69.041.096)
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	3.170.433.410	3.101.392.314	(69.041.096)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300	188.946.081.406	188.946.081.406	-
I. Nợ ngắn hạn	310	105.618.081.406	105.618.081.406	-
2. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	-	1.237.375.743	1.237.375.743
6. Phải trả ngắn hạn khác	320	3.014.805.607	1.777.429.864	(1.237.375.743)

6. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ và cho đến ngày ký báo cáo này, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

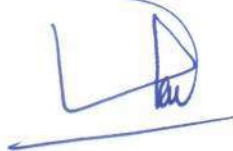
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 08 năm 2026

Người lập biểu



Cao Nguyễn Phương Vy

Kế toán trưởng



Nguyễn Huy Hào

Tổng Giám Đốc



Nguyễn Thị Hiền